

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA TƠ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST

Ngày: 16-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Ngoan;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Quang Long;

2. Bà Phạm Thị Hà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hoài Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**Phạm Thị V**, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1999; tại xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; Tôn Giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Phạm Văn Ổi và bà Phạm Thị Tỷ; Bị cáo không có chồng nhưng có 02 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019); Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/9/2020 đến nay.

**\* Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Chí K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở làm việc: Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

\* *Người bị hại*: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi.

\* *Người làm chứng*: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi.

\* *Người phiên dịch*: Ông Phạm Văn T- Cán bộ UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (phiên dịch tiếng Hre).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 13/9/2020, Phạm Thị V đi qua nhà bà Phạm Thị K ở cùng thôn rủ Phạm Thị K và Phạm Thị C (con ruột của bà Phạm Thị K) đi hái khế ăn, Phạm Thị K nói Phạm Thị V đi trước, Phạm Thị K sẽ qua sau. Nghe vậy, Phạm Thị V đi ra cây khế trước nhà Phạm Thị K để hái khế rồi mang qua nhà Phạm Thị R (mẹ ruột của Phạm Thị K) rủ Phạm Thị K, Phạm Thị N, Phạm Thị B ở cùng xóm ăn cùng. Khoảng 15 phút sau, Phạm Thị K qua nhưng không còn khế nên Phạm Thị K nói Phạm Thị V đi hái khế tiếp và gọi Phạm Thị Bích qua ăn cùng. Sau đó, Phạm Thị V đi hái khế rồi đưa Phạm Thị C mang khế qua nhà bà Phạm Thị R, còn Phạm Thị V đi vệ sinh. Khoảng 15 phút sau, Phạm Thị V quay lại nhà bà R ngồi một lúc, Phạm Thị V nói đau bụng nên tiếp tục đi vệ sinh. Lúc này, Phạm Thị V biết nhà Phạm Thị K không có ai ở nhà và trước đó Phạm Thị V nghe Phạm Thị C kể nhà vừa mới bán keo, có tiền nên Phạm Thị V nảy sinh ý định đột nhập vào nhà Phạm Thị K để trộm cắp tiền. Phạm Thị V đi vòng ra phía sau nhà bà Phạm Thị K quan sát thấy cửa sau nhà bà Phạm Thị K không khóa nên Phạm Thị V đi vào nhà, vào phòng ngủ của bà Phạm Thị K, nhìn thấy tủ quần áo bị khóa nên Phạm Thị V lục tìm chìa khóa tủ, tìm kiếm xung quanh thì phát hiện 01 (một) chùm chìa khóa gồm có (02) chìa được cất giấu trong ba lô để dưới đầu giường của bà Phạm Thị K. Phạm Thị V lấy chìa khóa mở tủ nhìn bên trong thì thấy có 01 (một) túi xách màu đỏ được bọc bằng 01 túi nilong màu trắng, V mở ra xem thì phát hiện bên trong túi xách có rất nhiều tiền VNĐ, loại polyme, Phạm Thị V lấy toàn bộ số tiền trong túi xách bỏ vào túi nilong màu trắng rồi đem toàn bộ số tiền lấy được về nhà cất vào trong va ly và giấu trong tủ đồ nhà Phạm Thị V.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Thị V điện thoại cho bà Phạm Thị N ở thôn H, xã B mượn xe mô tô của bà N với mục đích đi mua thuốc cho con. Sau khi mượn được xe, Phạm Thị V mở va ly lấy 01 (một) xấp tiền (không rõ là bao nhiêu), trong tổng số tiền mà V đã trộm từ nhà của bà Phạm Thị K rồi điều khiển xe mô tô đến tiệm vàng “Hà” ở thôn Thạch T, xã Đ, huyện M mua 01 (một)

chỉ vàng, loại 9999 với giá 5.420.000đ (năm triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng). Sau đó, Phạm Thị V điều khiển xe mô tô đến tiệm điện thoại di động D Vũ trụ tại ngã tư T, xã Đ, huyện M mua 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART với giá 1.450.000đ (một triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Số tiền còn lại, Phạm Thị V mua đồ dùng cho cá nhân và gia đình. Sau đó, Phạm Thị V điều khiển xe mô tô về lại nhà tại thôn A, xã B, huyện C.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện Ba Tư mời Phạm Thị V đến Công an xã B để làm việc. Qua đấu tranh, Phạm Thị V đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và giao nộp số tiền còn lại 26.300.000đ (hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng), 01 chỉ vàng 9999.

Ngày 19/10/2020, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Ba Tư có Kết luận định giá số 10/KL-HĐĐGTS, Kt luận: 01 chỉ vàng loại 9999, nhãn hiệu “Hà”, trọng lượng 10 phân có giá tại thời điểm ngày 13/9/2020 là: 5.420.000đ (Năm triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 30/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Thị V về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tư vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị V phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị V từ 12 đến 14 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 3.180.000đ (ba triệu một trăm mười tám ngàn đồng).

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị V từ 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay người người làm chứng anh Phạm Văn B vắng mặt không lý do. Xét thấy anh Phạm Văn B quá trình điều tra đã có bản khai nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh Phạm Văn B theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị V giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; kết quả thực nghiệm điều tra; kết luận định giá tài sản, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13/9/2020, tại nhà bà Phạm Thị K ở thôn A, xã B, huyện C, bị cáo Phạm Thị V lợi dụng lúc bà Phạm Thị K không có người ở nhà, Phạm Thị V đã lén lút đột nhập vào nhà bà Phạm Thị K trộm cắp số tiền 35.900.000đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm ngàn đồng). Hành vi của bị cáo Phạm Thị V đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội cần chấp nhận.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì lòng tham, bị cáo cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác với mục đích tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo đã giao nộp lại một phần tài sản trộm cắp để trả lại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, đồng thời nhận thấy mục đích, nguyên nhân dẫn đến hành vi trộm cắp tài sản là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân một mình bị cáo nuôi 02 con nhỏ đau ốm thường xuyên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo đang nuôi con nhỏ, không có việc làm nên không khấu trừ thu nhập.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Phạm Thị K đã nhận lại số tiền 26.300.000đ (hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng), tự nguyện nhận 01 chỉ vàng 9999 với giá trị tương đương 5.420.000đ (năm triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng) và số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) do Phạm Thị V đền bù, khắc phục, tổng cộng 32.720.000đ (Ba mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng). Chị Phạm Thị K yêu cầu Phạm Thị V tiếp tục đền bù, khắc phục số tiền còn lại là 3.180.000đ (ba triệu một trăm mười tám ngàn đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và xử lý các tài sản như sau:

Đối với tiền Việt Nam đồng là 26.300.000đ (hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng); 01 (một) chỉ vàng loại 9999, nhãn hiệu “Hà” trị giá là 5.420.000đ. Qua điều tra xác định tài sản trên là của người bị hại hoặc có nguồn gốc hình thành của từ tiền của người bị hại bà Phạm Thị K (đối với 01 (một) chỉ vàng loại 9999, nhãn hiệu “Hà”). Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ đã trao trả cho bà Phạm Thị K, việc trao trả này Hội đồng xét xử nhận thấy là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART, qua điều tra xác định bị cáo dùng tiền trộm cắp 1.450.000đ của bà Phạm Thị K để mua. Tại phiên tòa người bị hại bà Phạm Thị K không đồng ý nhận lại tài sản này, nên Hội đồng xét xử xác định tài sản này do phạm tội mà có nên áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: xét bị cáo Phạm Thị V là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí nên áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều

12, Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết miễn tiền án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị V 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị V cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 584; 585 Bộ Luật dân sự năm 2015: buộc bị cáo Phạm Thị V bồi thường cho bà Phạm Thị K số tiền 3.180.000đ (ba triệu một trăm mười tám ngàn đồng).

5. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/11/2020 giữa cơ quan điều tra công an huyện Ba Tơ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ).

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

8. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/12/2020) bị cáo và người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKS H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Ngô Văn Ngoan**